

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị BP – sinh năm: 1982

Địa chỉ: Ấp 4, thị trấn 7, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang "có mặt".

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phi H – sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp 4, thị trấn 7, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 19/4/2019 (bút lục 08-09, 21) nguyên đơn bà P trình bày tóm tắt như sau: Bà với ông H có tổ chức đám cưới năm 2000, đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy Ngàn), huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu

Giang, chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì ông H thường xuyên rượu chè, không trách nhiệm với gia đình, với vợ con, có lần chửi mắng, đánh đập vợ con, bà chịu đựng đến năm 2012 thì sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Phi D (nam), sinh ngày 21/9/2001 và Nguyễn Phi Nh (nữ), sinh ngày 14/02/2005, tùy các con tự lựa chọn sống với cha hay với mẹ. Nếu các con muốn sống với bà thì bà đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có; quá trình tố tụng bà P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng tại phiên tòa hôm nay bà P vẫn có mặt.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Phi H được thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do chính đáng, không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P với ông H. Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Phi Nh (nữ), sinh ngày 14/02/2005 cho bà P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng; do bà P chưa yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị Phụng khai không có nên đề nghị không xem xét. Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà P có yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông H nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do chính đáng nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà P và ông H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung không hạnh phúc đã ly thân nhau thời gian dài mà không có

biện pháp hàn gắn đời sống hôn nhân, điều đó cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà P với ông H có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà P khai có hai con chung là cháu Nguyễn Phi D (nam), sinh ngày 21/9/2001 và Nguyễn Phi Nh (nữ), sinh ngày 14/02/2005, quá trình tố tụng ghi nhận ý kiến cháu Hồng và cháu Nhung đều có nguyện vọng muốn ở cùng bà P. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử cháu Hồng đã đủ tuổi thành niên và bà P không yêu cầu giải quyết vì cháu Hồng đủ khả năng tự nuôi sống bản thân; đối với cháu Nhung bà P đồng ý nhận nghĩa vụ nuôi dưỡng nên giao cho bà P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng; do bà P không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con và dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông H theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có nhưng chưa có lời khai của ông H nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H về tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị BP phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị BP đối với ông Nguyễn Phi H, cho bà Trần Thị BP được ly hôn với ông Nguyễn Phi H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phi Nh (nữ), sinh ngày 14/02/2005 cho bà Trần Thị BP được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, do bà P không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Phi H không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà Trần Thị BP phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0018832

ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà P đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/9/2019; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm